

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 15/10/2023

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-001	19611120	Nguyễn Thị Thu An	03/11/2001	Nữ	Đắk Lắk	A2	B301
02	A2-002	19631093	Lê Thị Lan Anh	09/05/2001	Nữ	Bình Phước	A2	B301
03	A2-003	21631405	Nguyễn Thị Phương Anh	28/09/2003	Nữ	Bình Phước	A2	B301
04	A2-004	22612052	Nguyễn Thị Thùy Anh	02/02/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B301
05	A2-005	21681009	Nguyễn Tuấn Anh	08/03/2002	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B301
06	A2-006	20681044	Lê Nguyễn Kiều Anh	20/11/2002	Nữ	Đồng Nai	A2	B301
07	A2-007	21641497	Nguyễn Như Cẩm	13/11/1997	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B301
08	A2-008	21631386	Tô Huỳnh Ngọc Châu	20/10/2003	Nữ	Long An	A2	B301
09	A2-009	21631410	Nguyễn Ngọc Phương Chi	17/03/2003	Nữ	Lâm Đồng	A2	B301
10	A2-010	21631401	Nguyễn Thị Linh Chi	20/10/2003	Nữ	Thanh Hóa	A2	B301
11	A2-011	22641061	Hàng Kiên Đạt	05/09/2002	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B301
12	A2-012	19641368	Huỳnh Văn Thành Đạt	06/09/2001	Nam	Long An	A2	B301
13	A2-013	22631165	Mai Thị Ngọc Diễm	12/12/2003	Nữ	Bình Phước	A2	B301
14	A2-014	20631524	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	14/09/2002	Nữ	Tây ninh	A2	B301
15	A2-015	21641854	Nguyễn Trần Ngọc Diễm	02/03/2003	Nữ	Đắk Lắk	A2	B301
16	A2-016	20631246	Trần Thị Hồng Diễm	12/04/2002	Nữ	Gia lai	A2	B301
17	A2-017	20612084	Lê Đình Dũng	07/10/2002	Nam	Thanh Hóa	A2	B301
18	A2-018	22612055	Nguyễn Thị Thuý Duy	15/03/2001	Nữ	Bến Tre	A2	B301
19	A2-019	21641256	Trần Nguyễn Nhật Duy	29/10/2003	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B301
20	A2-020	21681012	Nguyễn Thị Thùy Duyên	05/10/2003	Nữ	Long An	A2	B301
21	A2-021	21612092	Nguyễn Thị Kiều Duyên	07/09/2003	Nữ	Phú Yên	A2	B301
22	A2-022	21641573	Nguyễn Mỹ Hậu Giang	17/10/2003	Nữ	Đắk Lắk	A2	B301
23	A2-023	21611193	Phạm Quỳnh Giao	23/11/2002	Nữ	Đắk Lắk	A2	B301
24	A2-024	21611219	Nguyễn Thanh Giàu	26/01/2003	Nam	Tiền Giang	A2	B301
25	A2-025	21621066	Nguyễn Thị Thu Hà	23/07/1999	Nữ	Gia Lai	A2	B301
26	A2-026	2117000236	Ngô Bá Hải	23/12/1998	Nam	Đồng Nai	A2	B301
27	A2-027	21641637	Nguyễn Hoàng Hải	27/04/2003	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B301
28	A2-028	20641575	Lê Thanh Hải	26/12/2002	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B301
29	A2-029	22641752	Nguyễn Thị Kiều Hân	05/09/2004	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B301
30	A2-030	22641772	Huỳnh Thị Hồng Hạnh	08/03/2004	Nữ	Long An	A2	B301
31	A2-031	22641077	Phạm Ngọc Hồng Hạnh	10/09/2001	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B301
32	A2-032	22641078	Thiệu Vĩ Hào	03/12/2003	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B301

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 15/10/2023

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-033	21641447	Lê Minh Hậu	27/02/2002	Nam	Đắk Lắk	A2	B302
02	A2-034	20612038	Nguyễn Phước Hậu	15/10/2002	Nữ	Long An	A2	B302
03	A2-035	20641368	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	07/04/2001	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B302
04	A2-036	21641659	Trần Thị Thanh Hiền	16/07/2003	Nữ	Gia Lai	A2	B302
05	A2-037	20611153	Huỳnh Gia Ngọc Hiệp	21/02/2002	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B302
06	A2-038	21641080	Nguyễn Hữu Hiệp	10/10/2003	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B302
07	A2-039	21682004	Nguyễn Huỳnh Hiệp	27/05/2001	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B302
08	A2-040	20611078	Bùi Trung Hiếu	08/05/2002	Nam	Thái Bình	A2	B302
09	A2-041	18671023	Ngô Trung Hiếu	12/06/2000	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B302
10	A2-042	21641581	Khoang Thị Hoàn	01/11/2000	Nữ	Nghệ An	A2	B302
11	A2-043	22631171	Lý Thị Kim Hoàng	03/06/2004	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B302
12	A2-044	22631160	Vũ Thị Huế	29/03/2004	Nữ	Đắk Lắk	A2	B302
13	A2-045	22641767	Nguyễn Kim Hương	25/07/2004	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B302
14	A2-046	22631164	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	08/02/2004	Nữ	Long An	A2	B302
15	A2-047	21635107	Nguyễn Thị Thu Hương	17/07/2003	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B302
16	A2-048	21611083	Mai Ngọc Bảo Huy	03/07/2003	Nam	Đắk Lắk	A2	B302
17	A2-049	21682011	Nguyễn Hoàng Huy	20/09/2003	Nam	Long An	A2	B302
18	A2-050	19612296	Trần Nhật Huy	25/02/2001	Nam	Phú Yên	A2	B302
19	A2-051	21611004	Nguyễn Thị Bích Huyền	19/06/2000	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B302
20	A2-052	20631446	Phạm Thị Ngọc Huyền	29/03/2002	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B302
21	A2-053	22641080	Văn Thị Thu Huyền	10/07/2003	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B302
22	A2-054	22641756	Lê Minh Kha	16/02/2004	Nam	Vĩnh Long	A2	B302
23	A2-055	21641015	Dương Thị Ngọc Khánh	10/05/2001	Nữ	Đồng Nai	A2	B302
24	A2-056	21611135	Huỳnh Trọng Khiêm	09/10/2003	Nam	Cà Mau	A2	B302
25	A2-057	18641132	Lê Trần Dương Khiêm	01/10/2000	Nữ	LONG AN	A2	B302
26	A2-058	20641476	Võ Minh Khoa Khoa	31/10/2002	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B302
27	A2-059	21641268	Trần Kiệt	25/04/2003	Nam	Đồng Nai	A2	B302
28	A2-060	22641760	Võ Thị Thanh Kiều	06/10/2001	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B302
29	A2-061	20641677	Nguyễn Thuỳ Bảo Linh	31/01/2002	Nữ	Đắk Lắk	A2	B302
30	A2-062	22612065	Trần Thị Cẩm Linh	22/08/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B302
31	A2-063	22641688	Phạm Tấn Lộc	19/05/2002	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B302
32	A2-064	22641069	Huỳnh Thanh Long	25/06/2000	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B302

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 15/10/2023

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-065	22631127	Dương Huỳnh Thanh Mai	25/10/2004	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B303
02	A2-066	21641428	Trần Thanh Mai	10/03/2003	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B303
03	A2-067	20641799	Trần Hà Mi	31/12/2002	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B303
04	A2-068	22641066	Nguyễn Đăng Minh	06/05/2004	Nam	Thừa Thiên Huế	A2	B303
05	A2-069	20641580	Đinh Hoa My	27/07/2001	Nữ	Phú Yên	A2	B303
06	A2-070	22641067	Nguyễn Thị My	14/04/2003	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B303
07	A2-071	20631160	Lê Thị Ngọc Mỹ	19/10/2001	Nữ	Hậu Giang	A2	B303
08	A2-072	21631145	Nguyễn Thị Ngọc Nga	31/03/2003	Nữ	Long An	A2	B303
09	A2-073	22641768	Trương Trịnh Kiều Nga	01/11/2004	Nữ	Bạc Liêu	A2	B303
10	A2-074	22612059	Nguyễn Thị Mỹ Nga	21/01/2004	Nữ	Đắk Lắk	A2	B303
11	A2-075	21641641	Đặng Thúy Ngân	24/06/2003	Nữ	Đồng Nai	A2	B303
12	A2-076	22631464	Nguyễn Thị Thanh Ngân	02/07/2004	Nữ	Tây Ninh	A2	B303
13	A2-077	21641488	Trần Thị Kim Ngân	28/03/2003	Nữ	Bình Phước	A2	B303
14	A2-078	20641577	Võ Thị Kim Ngân	26/12/2002	Nữ	An Giang	A2	B303
15	A2-079	22631169	Võ Thị Mỹ Ngân	10/05/2004	Nữ	An Giang	A2	B303
16	A2-080	20641350	Võ Thị Thanh Ngân	16/03/2002	Nữ	Tây Ninh	A2	B303
17	A2-081	22641122	Lưu Thị Bảo Ngọc	01/02/2004	Nữ	Đồng Tháp	A2	B303
18	A2-082	21631420	Phạm Thị Thảo Nguyên	24/10/2003	Nữ	Long An	A2	B303
19	A2-083	21611003	Đào Thị Thanh Nhân	19/03/2000	Nữ	Đồng Nai	A2	B303
20	A2-084	20641055	Nguyễn Ngọc Nhân	26/04/2001	Nam	Bến Tre	A2	B303
21	A2-085	21631146	Trần Minh Nhật	08/09/2003	Nam	Long An	A2	B303
22	A2-086	21631247	Trần Vũ Yến Nhi	02/08/2003	Nữ	Quảng Nam	A2	B303
23	A2-087	21612175	Nguyễn Lâm Tâm Như	29/04/2003	Nữ	Khánh Hoà	A2	B303
24	A2-088	22631123	Tổng Võ Huỳnh Như	25/11/2004	Nữ	Bình Thuận	A2	B303
25	A2-089	22631063	Trần Thị Huỳnh Như	06/09/2004	Nữ	Long An	A2	B303
26	A2-090	20641733	Cao Thị Cẩm Nhung	21/10/2001	Nữ	Bình Định	A2	B303
27	A2-091	21641403	Nguyễn Thị Kim Nhung	14/10/2003	Nữ	Phú Yên	A2	B303
28	A2-092	21641827	Hồ Lê Nhựt	17/11/2002	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B303
29	A2-093	21611023	Lê Xuân Phát	01/04/2003	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B303
30	A2-094	23641104	Châu Hồng Phát	38485	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B303
31	A2-095	20611026	Nguyễn Thanh Phong	26/09/1998	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B303
32	A2-096	22641758	Trần Lý Hữu Phước	16/08/2004	Nam	Cần Thơ	A2	B303

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 15/10/2023

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-097	22631482	Đào Khánh Phương	29/07/2004	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B304
02	A2-098	22641678	Nguyễn Thị Phương	26/05/2001	Nữ	Đắk Lắk	A2	B304
03	A2-099	21631215	Phạm Trần My Phương	21/09/2003	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B304
04	A2-100	21631495	Nguyễn Thị Thu Phương	01/06/2003	Nữ	Bắc Ninh	A2	B304
05	A2-101	21641217	Trương Thị Cẩm Quyên	26/09/2003	Nữ	Kiên Giang	A2	B304
06	A2-102	22631349	Nguyễn Như Quỳnh	15/08/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
07	A2-103	21641243	Thanh Lâm Như Quỳnh	12/03/2003	Nữ	Bình Thuận	A2	B304
08	A2-104	20631080	Trần Lê Quỳnh	14/05/2002	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B304
09	A2-105	21631174	Trần Như Quỳnh	04/12/2000	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B304
10	A2-106	21682016	Trần Trúc Quỳnh	05/11/2003	Nữ	Cần Thơ	A2	B304
11	A2-107	20641578	Tổng Tấn Tài	27/09/2002	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B304
12	A2-108	21612215	Phan Nguyễn Thành Tâm	25/03/2003	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B304
13	A2-109	20641620	Bùi Hoàng Vĩnh Tấn	14/07/2001	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B304
14	A2-110	21631274	Lê Thị Hồng Thắm	27/09/2003	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
15	A2-111	21682022	Phan Thị Hồng Thắm	11/09/2003	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B304
16	A2-112	22641744	Phạm Thị Hồng Thắm	04/04/2000	Nữ	Tây Ninh	A2	B304
17	A2-113	22641072	Phạm Quốc Thắng	26/11/2001	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B304
18	A2-114	21641371	Nguyễn Thị Hồng Thanh	08/08/2003	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
19	A2-115	22641156	Trương Hải Thành	13/09/1996	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B304
20	A2-116	22612034	Bùi Thanh Thảo	03/03/2004	Nữ	Vĩnh Long	A2	B304
21	A2-117	21641172	Phùng Thị Phương Thảo	20/05/2003	Nữ	Long An	A2	B304
22	A2-118	21612087	Nguyễn Phương Thảo	19/08/2003	Nữ	Bình Dương	A2	B304
23	A2-119	20631294	Nguyễn Thị Ánh Thi	07/12/2002	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B304
24	A2-120	22641022	Lê Hữu Thiện	27/12/1999	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B304
25	A2-121	21682021	Nguyễn Thị Hoa Thời	23/09/2003	Nữ	Đắk Lắk	A2	B304
26	A2-122	21682019	Phan Minh Thư	07/01/2003	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B304
27	A2-123	21682017	Nguyễn Thị Hoài Thương	30/01/2003	Nữ	Đắk Lắk	A2	B304
28	A2-124	22641124	Quách Đoàn Hoài Thương	09/01/2004	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B304
29	A2-125	21635075	Lê Thị Ngọc Thuý	07/06/2003	Nữ	Hậu Giang	A2	B304
30	A2-126	21641784	Lê Thụy Thanh Thủy	05/11/2003	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B304
31	A2-127	22631146	Hồ Phương Thùy	14/02/2004	Nữ	Long An	A2	B304
32	A2-128	20641454	Nguyễn Ngọc Thủy	17/10/2002	Nữ	Đồng Tháp	A2	B304

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 15/10/2023

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-129	19631376	Trần Mỹ Tiên	25/08/1999	Nữ	Long An	A2	B305
02	A2-130	21641372	Bùi Văn Tiên	21/08/2001	Nam	Đồng Nai	A2	B305
03	A2-131	22641170	Phạm Thị Huyền Trâm	11/05/2004	Nữ	Đồng Tháp	A2	B305
04	A2-132	22631290	Nguyễn Thị Ngọc Trân	07/09/2004	Nữ	An Giang	A2	B305
05	A2-133	21611206	Vũ Thị Thuý Trang	01/01/2003	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B305
06	A2-134	21641728	Đỗ Cao Trí	07/02/2003	Nam	TP. Hồ Chí Minh	A2	B305
07	A2-135	21611035	Nguyễn Hoàng Minh Trí	28/02/2003	Nam	Đồng nai	A2	B305
08	A2-136	21641147	Đặng Thị Phương Trinh	01/10/2003	Nữ	Bình Thuận	A2	B305
09	A2-137	22631121	Trần Thị Phương Trinh	23/09/2004	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B305
10	A2-138	19681058	Trần Việt Trinh	02/01/2000	Nữ	Hòa Bình	A2	B305
11	A2-139	21661061	Đinh Công Trứ	16/07/2003	Nam	Bình Định	A2	B305
12	A2-140	21641105	Lê Hồng Trúc	17/04/2003	Nữ	Vĩnh Long	A2	B305
13	A2-141	22631534	Trần Thị Thanh Trúc	12/05/2004	Nữ	Hà Tĩnh	A2	B305
14	A2-142	22641152	Hoàng Văn Tú	26/08/2004	Nam	Ninh Bình	A2	B305
15	A2-143	22641020	Nguyễn Anh Tuấn	23/04/2001	Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu	A2	B305
16	A2-144	20641441	Trần Thị Minh Tuyền	25/07/2001	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B305
17	A2-145	22641167	Dương Kim Tuyền	12/02/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B305
18	A2-146	22631157	Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền	20/12/2004	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B305
19	A2-147	22641753	Phan Thị Ngọc Tuyết	22/11/2004	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B305
20	A2-148	21631190	Cao Trúc Uyên	28/11/2003	Nữ	Đồng Nai	A2	B305
21	A2-149	21612179	Nguyễn Cao Bảo Uyên	01/06/2003	Nữ	Bình Định	A2	B305
22	A2-150	21682049	Võ Đình Thái Uyên	15/01/2003	Nữ	Bà Rịa - Vũng Tàu	A2	B305
23	A2-151	21641719	Vũ Mai Uyên	16/10/2003	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B305
24	A2-152	21681007	Lê Trần Thanh Vân	06/12/2003	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B305
25	A2-153	2117000452	Lê Nguyễn Ý Vy	26/05/1999	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B305
26	A2-154	21641533	Lương Thảo Vy	14/07/2003	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	A2	B305
27	A2-155	22631531	Nguyễn Bảo Trúc Vy	23/03/2004	Nữ	Gia Lai	A2	B305
28	A2-156	22641063	Trần Nguyễn Tường Vy	19/01/2001	Nữ	Tây Ninh	A2	B305
29	A2-157	22631530	Nguyễn Huỳnh Bảo Xuyên	15/09/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B305
30	A2-158	20641354	Nguyễn Thị Như Ý	07/12/2002	Nữ	Đồng Tháp	A2	B305
31	A2-159	21682034	Phạm Như Ý	03/10/2003	Nữ	Bến Tre	A2	B305

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 15/10/2023

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	B1-01	21613013	Huỳnh Thị Bích Đào	18/03/2001	Nữ	Tiền Giang	B1	B306
02	B1-02	22613172	Trần Quốc Hải	22/08/2004	Nam	Quảng Ngãi	B1	B306
03	B1-03	22613002	Hồng Thúy Hằng	24/07/2002	Nữ	Kiên Giang	B1	B306
04	B1-04	21613087	Đoàn Lê Diễm Hương	05/12/2003	Nữ	Tiền Giang	B1	B306
05	B1-05	22613015	Trần Thị Ngọc Huyền	28/02/2003	Nữ	Long An	B1	B306
06	B1-06	20613069	Ngô Minh Khải	06/06/2000	Nam	Kiên Giang	B1	B306
07	B1-07	19613221	Đặng Thụy Trúc Linh	20/07/2001	Nữ	LONG AN	B1	B306
08	B1-08	2116322182	Đồng Thị Xuân Mai	22/03/1997	Nữ	Đồng Nai	B1	B306
09	B1-09	22613052	Trần Ngọc Xuân Mai	27/01/2002	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	B1	B306
10	B1-10	21641586	Thông Thị Ngọc Ngân	01/11/2003	Nữ	Bình Thuận	B1	B306
11	B1-11	22613042	Đỗ Ngọc Thảo Như	08/07/2004	Nữ	Trà Vinh	B1	B306
12	B1-12	22613017	Nguyễn Ngọc Như	31/12/2003	Nữ	Long An	B1	B306
13	B1-13	22613056	Huỳnh Thị Minh Tâm	30/08/2004	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	B1	B306
14	B1-14	21613091	Nguyễn Thị Xuân Thảo	23/05/2003	Nữ	Thừa Thiên Huế	B1	B306
15	B1-15	20613057	Nguyễn Thị Thuý	01/04/2002	Nữ	Tây Ninh	B1	B306
16	B1-16	22613001	Hồ Nguyễn Bích Trâm	05/08/2003	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	B1	B306
17	B1-17	22613019	Võ Thị Thuý Trang	20/04/2003	Nữ	Đồng Nai	B1	B306
18	B1-18	22613209	Nguyễn Minh Thuý Trúc	22/07/2004	Nữ	Đồng Nai	B1	B306
19	B1-19	19691325	Lê Thị Tường Vi	05/10/2001	Nữ	Quảng Trị	B1	B306
20	B1-20	20613146	Phạm Vũ Tường Vi	14/07/2002	Nữ	Bà Rịa - Vũng Tàu	B1	B306
21	B1-21	21613014	Đặng Phú Vinh	13/02/1999	Nam	TP. Hồ Chí Minh	B1	B306
22	B1-22	21651033	Đỗ Nguyễn Tường Vy	01/07/2003	Nữ	Đồng Nai	B1	B306
23	B1-23	21613043	Lê Nguyễn Hải Yến	09/08/2002	Nữ	Tiền Giang	B1	B306
24	B2-01	21621166	Phan Thúy An	30/10/2003	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	B2	B306
25	B2-02	21641364	Phạm Nguyễn Thuý Duyên	29/04/2003	Nữ	Tây Ninh	B2	B306
26	B2-03	20621034	Trần Xuân Duyên	31/05/2001	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	B2	B306
27	B2-04	20621185	Huỳnh Như Hào	06/05/2000	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	B2	B306
28	B2-05	22631031	Võ Thái Hoà	04/07/2003	Nam	TP. Hồ Chí Minh	B2	B306
29	B2-06	19621183	Nguyễn Hoài My	24/05/1998	Nữ	Lâm Đồng	B2	B306
30	B2-07	21621058	Nguyễn Phi Phụng	29/10/2003	Nữ	TP. Cần Thơ	B2	B306

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.